TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/KT-ST
Ngày: 28/4/2021
V/v tranh chấp Hợp đồng hỗ trợ vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Vũ Kim Liên***
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lâm Văn Vô**
Bà Trần Thị Tuyết

-Thư ký phiên toà **:** Bà **Hoàng Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**Bà Nguyễn Thị Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2016/TLST-KT ngày 05 tháng 7 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng hỗ trợ vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-KT ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-KT ngày ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần A
Địa chỉ: 43 NQ, Phường Q, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo pháp luật: Võ Minh L- sinh năm 1981
Địa chỉ: 64/6 CL, Phường C, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
1/ Ông Phạm Quang M- sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: 820 NT, Phường D, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
2/ Ông Nguyễn Hồng H- Sinh năm 1961(Có mặt)
Địa chỉ: 29 LCT, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên lạc: 207/22 TBT, Phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty TNHH APN (Vắng mặt)
Địa chỉ: 55D TP, Phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P- sinh năm 1958 (Vắngmặt)
Địa chỉ: 117/4 HTM, Phường BN, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 277(số cũ 13) HTLO, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Văn P- sinh năm 1958 (Vắng mặt)
Thường trú: 117/4 HTM, Phường BN, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: 277(số cũ 13) HTLO, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2013, Đơn đề nghị thay đổi và bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01/7/2020 của nguyên đơn Công ty cổ phần A và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hồng H, ông Phạm Quang M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/4/2009, Ông Nguyễn Văn P- Giác đốc- đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH APN ký và gửi Giấy đề nghị Công ty cổ phần A hỗ trợ vốn, số tiền 25.000.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh, trong đó tiền mặt là 10.000.000.000 đồng, tiền mua bán nợ của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 14.169.373.141 đồng.

Ngày 21/4/2009, Công ty cổ phần A (bên A- gọi tắt là Công ty A) có ký kết Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản thế chấp số 04.04/2009/HTV.AFI với Công ty TNHH APN (bên B- gọi tắt là Công ty APN), với nội dung:

Bên A đồng ý hỗ trợ cho bên B số tiền là 25.000.000.000 đồng (hai mươi lăm tỷ đồng).

Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay là Quyền sở hữu nhà số 277 (số cũ 13) HTLO, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh…, hai bên thống nhất giá trị tài sản bảo đảm là 25.000.000.000 đồng. Đây cũng chính là tổng giá trị của tài sản bảo đảm mà bên B thống nhất cho bên A khi tiến hành việc mua bán tại cơ quan công chứng (nếu có).

Thời hạn của hợp đồng là 03 tháng với phí xếp vốn (lãi suất là 1,5% tháng = 375.000.000 đồng/tháng). Phí trả chậm 0,3%/ngày nhân số tiền thanh toán chậm nhân số ngày thanh toán chậm. Số tiền trên được chuyển qua Ngân hàng bằng UNC ngày 13/4/2009 với số tiền là 14.169.373.141 đồng, UNC ngày 21/4/2009 với số tiền là 10.490.561.904 đồng và chi tiền mặt cho cá nhân Ông Nguyễn Văn P là 340.064.955 đồng.

Ngày 21/4/2009, Ông Nguyễn Văn P xác nhận đã nhận đủ số tiền 25.000.000.000đ (Hai mươi lăm tỉ đồng). Hết thời hạn 03 tháng, nhận thấy phía Công ty APN không thanh toán được khoản nợ theo Hợp đồng. Ngày 20/7/2009 các bên đã thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết Phụ lục hợp đồng với nội dung: Bên A sẽ gia hạn việc hỗ trợ vốn cho bên B với số tiền như trong Hợp đồng hỗ trợ vốn số 04.04/2009/HTV.AFI.2009 với thời hạn 03 tháng kể từ ngày hai bên ký Phụ lục này, từ ngày 20/7/2009 đến ngày 18/10/2009, phí xếp vốn là 1,5%/tháng/số tiền hỗ trợ vốn.

Ngày 01/3/2010, Nguyễn Văn P là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH APN giao Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 201703, Số vào sổ cấp GCN: CT00005 ngày 24/12/2009 và tài sản trên đất là Nhà máy sản xuất phân bón tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng làm tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ trên cho Công ty A giữ (Hiện bản gốc GCN QSDĐ số: BA 201703 nguyên đơn đang giữ).

Sau khi hết thời hạn thanh toán, Ông Nguyễn Văn P đã nhiều lần làm Bản cam kết chịu trách nhiệm trả nợ Công ty APN toàn bộ số nợ trên.

Theo Biên bản làm việc ngày 06/5/2013, căn cứ vào Hợp đồng hỗ trợ vốn số 04.04/2009/HTV.AFI hai bên thống nhất nội dung: Ông Nguyễn Văn P đại diện Công ty APN xác nhận số tiền hỗ trợ vốn 25.000.000.000 đồng là khoản tiền có bao gồm 14.169.373.141 đồng là tiền mà Công ty A mua nợ từ Ngân hàng nông nghiệp

và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/4/2009, theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/MBNO&5.AFI.2009 mà Công ty APN là bên nợ.

Số tiền 14.169.373.141 đồng mua bán nợ nêu trên đã được các bên tách thành vụ kiện riêng, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý giải quyết.

Số tiền còn lại 10.830.626.859 đồng được bên B (Công ty APN) yêu cầu tài sản đảm bảo là lô đất tại Thị trấn Lộc Thắng, huyện Lộc Thắng, tỉnh Lâm Đồng hiện nay là nhà máy sản xuất phân bón của Công ty TNHH APN.

Bên B xác nhận số tiền nợ gốc mà Công ty APN còn lại chưa thanh toán cho Công ty A là 10.830.626.859 đồng và lãi phát sinh từ ngày 21/4/2009 đến ngày 06/5/2013 là 7.998.417.935 đồng.

Số tiền nợ gốc là 10.830.626.859 đồng và lãi phát sinh từ ngày 21/4/2009 đến ngày 06/5/2013 là 7.998.417.935 đồng, Công ty APN vẫn chưa thanh toán cho Công ty A, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty A nên Công ty A làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận Y. Tạm tính đến ngày 01/10/2020 tổng số tiền Công ty APN còn phải thanh toán cho Công ty A là 24.037.546.000 đồng, trong đó nợ gốc là 10.830.000.000 đồng (làm tròn số) và nợ lãi là 13.207.546.000 đồng.

Nguyên đơn ủy quyền cho Ông H và Ông M đại diện yêu cầu Tòa án:

1/ Buộc Công ty TNHH APN phải trả cho Công ty cổ phần A, tổng số nợ tạm tính đến ngày 01/10/2020 là 24.037.546.000 đồng, trong đó nợ gốc là 10.830.000.000 đồng, nợ lãi 13.207.546.000 đồng (lãi trong hạn là 474.354.000đồng và lãi quá hạn là 12.733.192.000 đồng).

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn theo Hợp đồng chưa trả từ ngày 21/4/2009 đến ngày 21/10/2009 là 10.830.000.000đ x 0,73 %/tháng (8,75% năm) x 6 tháng = 474.354.000 (1);

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 22/10/2009 đến ngày 31/12/2016 là 10.830.000.000đ x 0,58%/tháng(7%/năm) x 86 tháng 9 ngày = 5.422.942.000 đồng (2);

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/01/2017 tạm tính đến ngày 01/10/2020 là 10.830.000.000đ x 1,5%/tháng (18%/năm) x 45 tháng = 7.310.250.000 đồng (3).

Tổng số tiền lãi là (1)+(2)+(3) = 474.354.000 đồng + 5.422.942.000 đồng + 7.310.250.000 đồng = 13.207.546.000 đồng;

Công ty APN còn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả từ ngày 02/10/2020 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Công ty cổ phần A sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 201703, Số vào sổ cấp GCN: CT00005, ngày 24/12/2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công ty TNHH APN, tổng diện tích 31584.4m^2 tọa lạc tại thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng sau khi Công ty APN hoàn thành nghĩa vụ với Công ty A.

2/ Công ty cổ phần A rút yêu cầu buộc Ông Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm trả thay cho Công ty APN trong trường hợp Công ty APN không trả đủ cho Công ty A.

3/ Công ty cổ phần A rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty APN phải bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất phân bón tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cho

Công ty A được toàn quyền xử lý ngay khi án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty APN không thanh toán được số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Nguyên đơn Công ty cổ phần A ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng H đại diện trình bày: Căn cứ Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 468 BLDS 2015; Các Quyết định của Ngân hàng nhà nước quy định về lãi suất cơ bản, yêu cầu như sau:

1. Buộc Công ty APN phải trả cho Công ty A tổng số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2021 số tiền là 25.158.451.000 đồng (trong đó nợ gốc là 10.830.000.000 đồng và nợ lãi là 14.328.451.000 đồng (lãi trong hạn là 474.354.000 đồng và lãi quá hạn là 13.854.097.000 đồng).

2. Công ty APN còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 29/4/2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Công ty cổ phần A đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 201703, Số vào sổ cấp GCN: CT00005 ngày 24/12/2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công ty TNHH APN, tổng diện tích 31.584,4m^2, tọa lạc tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng sau khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ với nguyên đơn.

4. Công ty cổ phần A xin rút yêu cầu buộc Ông Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm trả thay cho Công ty APN trong trường hợp Công ty APN không trả đủ cho Công ty cổ phần A.

5. Công ty cổ phần A xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty APN phải bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất phân bón tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cho Công ty cổ phần A được toàn quyền xử lý ngay khi án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty APN không thanh toán được số tiền nêu trên.

+ Bị đơn Công ty TNHH APN và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định pháp luật và các điều khoản của Bộ luật dân sự năm 2005, năm 2015, các quyết định của Ngân hàng nhà nước quy định về lãi suất cơ bản, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu mà nguyên đơn rút yêu cầu. Ghi nhận việc nguyên đơn đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà bị đơn giao cho nguyên đơn giữ, sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty A yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ từ hợp đồng hỗ trợ vốn, đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng hỗ trợ vốn". Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở hoạt động kinh doanh tại Quận Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty TNHH APN và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên vắng mặt không có lý do. Ông Phạm Quang M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và ông Phạm Quang M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản thế chấp số 04.04/2009/HTV.AFI ngày 21/4/2009 được ký kết giữa Công ty cổ phần A và Công ty TNHH APN có nội dung: Công ty cổ phần A hỗ trợ cho Công ty TNHH APN số tiền là 25.000.000.000 đồng (hai mươi lăm tỉ đồng). Thời hạn của hợp đồng là 03 tháng. Công ty APN phải trả phí xếp vốn là 375.000.000 đồng/tháng, Kỳ 1: Vào ngày 21/5/2009; Kỳ 2: Vào ngày 20/6/2009; Kỳ 3: Vào ngày 20/7/2009. Phí chậm trả là 0,3%/ ngày trên số tiền chậm thanh toán nhân số ngày chậm thanh toán.

[4] Theo Phụ lục hợp đồng ngày 20/7/2009 có nội dung: Gia hạn việc hỗ trợ vốn cho Công ty APN với số tiền như trong Hợp đồng hỗ trợ vốn số 04.04/2009/HTV.AFI.2009 với thời hạn 03 tháng kể từ ngày hai bên ký Phụ lục này, từ ngày 20/7/2009 đến ngày 18/10/2009. Phí thu xếp vốn bên B phải trả cho bên A là 1,5%/tháng nhân tổng số tiền hỗ trợ vốn. Tổng số tiền phí mỗi tháng bên B phải trả là 375.000.000 đồng. Kỳ 1: Vào ngày 19/8/2009; Kỳ 2: Vào ngày 18/9/2009; Kỳ 3: Vào ngày 18/10/2009. Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng hỗ trợ vốn 04/04.HTV.AFI.2009 (bút lục số 44).

[5] Theo Biên bản làm việc ngày 06/5/2013 đối với Hợp đồng hỗ trợ vốn số 04.04/2009/HTV.AFI, số nợ 14.169.373.141 đồng đã được các bên tách thành vụ kiện riêng, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã giải quyết bằng bản án số 33/2014/KDTM-PT ngày 12/6/2014. Cơ quan thi hành án dân sự Quận Y đã thi hành xong.

[6] Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2013, giữa Công ty cổ phần A và Công ty TNHH APN do Ông Nguyễn Văn P – Giám đốc đại diện thống nhất như sau: Công ty TNHH APN xác nhận số lãi phát sinh từ vốn gốc là 10.830.626.859 đồng, được tính từ ngày 21/4/2009 đến ngày 06/5/2013 là 7.998.417.935 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh mà bên B phải trả cho bên A là 18.829.044.794 đồng (bút lục số 74).

[7] Xét Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản thế chấp số 04.04/2009/HTV.AFI ngày 21/4/2009; Phụ lục hợp đồng ngày 20/7/2009; các Ủy nhiệm chi; Phiếu chi;

Giấy nhận nợ ngày 21/4/2009; Biên bản làm việc ngày 06/5/2013 có căn cứ xác định Công ty TNHH APN nợ Cổ phần đầu tư tài chính Châu Á số tiền vốn gốc là 10.830.626.859 đồng. Từ khi nhận nợ Công ty TNHH APN không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn là vi phạm Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, nguyên đơn Cổ phần đầu tư tài chính Châu Á yêu cầu bị đơn Công ty TNHH APN trả số tiền nợ gốc là 10.830.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Xét, mức lãi suất do các bên tự nguyện thỏa thuận tại Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản thế chấp số 04.04/2009/HTV.AFI ngày 21/4/2009; Phụ lục hợp đồng ngày 20/7/2009 và nguyên đơn tự nguyện yêu cầu tính lại lãi suất cho phù hợp quy định của pháp luật. Cụ thể, số tiền lãi bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn gồm:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/4/2009 đến ngày 21/10/2009 là 10.830.000.000đ x 0,73 %/ tháng (8,75% năm) x 6 tháng = 474.354.000 đồng (1);

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 22/10/2009 đến ngày 31/12/2016 là 10.830.000.000đ x 0,58%/ tháng (7%/năm) x 86 tháng 9 ngày = 5.422.942.000 đồng (2);

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/01/2017 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2021 là 10.830.000.000 đ x 1,5 %/ tháng(18%/năm) x 51 tháng 27 ngày= 8.431.155.000 đồng (3).

Tổng số tiền lãi là (1) + (2) + (3) = 474.354.000 đồng + 5.422.942.000 đồng + 8.431.155.000 đồng = 14.328.451.000 đồng.

Căn cứ điều khoản 5 Điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn Cổ phần đầu tư tài chính Châu Á yêu cầu bị đơn Công ty TNHH APN phải thanh toán khoản tiền lãi số tiền 14.328.451.000 đồng, là có căn cứ, nên chấp nhận.

[9] Xét, Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản số 04.04/2009/HTV.AFI ngày 21/4/2009, hai bên có thỏa thuận phí trả chậm (lãi suất) là 0,3%/ngày trên số tiền thanh toán chậm nhân với số ngày thanh toán chậm. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Công ty APN phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[10] Từ những nhận định trên, nguyên đơn Cổ phần đầu tư tài chính Châu Á yêu cầu bị đơn Công ty TNHH APN thanh toán số tiền là 25.158.451.000 đồng (trong đó nợ gốc là 10.830.000.000 đồng và nợ lãi 14.328.451.000 đồng(lãi trong hạn là 474.354.000 đồng và lãi quá hạn là 13.854.097.000 đồng), là có căn cứ nên chấp nhận.

[11] Bị đơn Công ty TNHH APN còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[12] Xét tại Biên bản bàn giao hồ sơ ngày 01/3/2010 giữa bên giao là Công ty TNHH APN do Ông Nguyễn Văn P đại diện và bên nhận là Công ty A thể hiện: Công ty TNHH APN giao cho Công ty A giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00005, do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/12/2009 cho Công ty TNHH APN. Công ty A cam kết bảo quản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và trả lại cho bị đơn khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

[13] Tại phiên tòa, Công ty A đồng ý tự nguyện trả lại cho Công ty APN Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 201703, Số vào sổ cấp GCN: CT00005, ngày 24/12/2009 do Ủy ban nhân

dân tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công ty TNHH APN tổng diện tích 31584.4m^2, tọa lạc tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[15] Tại Bản tự khai ngày 30/9/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty A rút yêu cầu buộc Ông Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty APN trong trường hợp Công ty APN không trả đủ cho Công ty A và rút yêu cầu buộc Công ty APN phải bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất phân bón tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cho Công ty A được toàn quyền xử lý ngay khi án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty APN không thanh toán được số nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu nêu trên của Công ty A theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[16] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Y phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

[17] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244 ; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điều khoản 5 điều 474, điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần A.

1.1. Buộc Công ty TNHH APN phải trả cho Công ty cổ phần A số tiền 25.158.451.000 đồng(hai mươi lăm tỉ một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn), trong đó nợ gốc là 10.830.000.000 đồng(mười tỉ tám trăm ba mươi triệu đồng) và nợ lãi là 14.328.451.000 đồng(mười bốn tỉ ba trăm hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng), (lãi trong hạn là 474.354.000 đồng(bốn trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn đồng), lãi quá hạn là 13.854.097.000 đồng(mười ba tỉ tám trăm năm mươi bốn triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng)

(Theo Hợp đồng hỗ trợ vốn bằng tài sản thế chấp số 04.04/2009/HTV.AFI ngày 21/4/2009)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH APN còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần A trả lại cho Công ty TNHH APN bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 201703, số vào sổ cấp GCN: CT00005 ngày 24/12/2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp cho Công ty TNHH APN tổng

diện tích 31584.4m^2 tọa lạc tại Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, sau khi Công ty TNHH APN hoàn thành nghĩa vụ với Công ty cổ phần A.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần A buộc Ông Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH APN trong trường hợp Công ty TNHH APN không trả đủ cho Công ty cổ phần A và yêu cầu buộc Công ty TNHH APN phải bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất phân bón tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cho Công ty cổ phần A được toàn quyền xử lý ngay khi án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty TNHH APN không thanh toán được số nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH APN phải chịu án phí tranh chấp về kinh doanh thương mại sơ thẩm là 133.158.451 đồng (một trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm năm mươi mốt đồng).

Hoàn lại cho Công ty cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.457.000đ (sáu mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2011-08016 ngày 30/10/2013 và số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2011-09589 ngày 01/9/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty cổ phần A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Quang M, bị đơn Công ty TNHH APN và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn P vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TPHCM*
- *VKSQ5*
- *Chi cục THADSQ5*
- *Đương sự*
- *Lưu VP, HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Liên